

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

PHƯƠNG TIỆN BIỂU ĐẠT HÀNH ĐỘNG NGÔN NGỮ TỪ CHỐI TRONG TIẾNG ITALIA (TRÊN NGỮ LIỆU CÁC TIỂU THUYẾT ĐƯƠNG ĐẠI ITALIA)

NGUYỄN PHƯƠNG LINH*

TÓM TẮT: Hành động từ chối biểu thị sự không chấp nhận thực hiện hành động được cầu khiến (yêu cầu, đề nghị, mời,...). Chịu tác động bởi chuẩn mực lịch sự, ngữ cảnh tương tác và yếu tố văn hóa, hành động này được biểu hiện qua các phương tiện từ vựng và ngữ pháp khác nhau. Bài viết thu thập các phát ngôn thực hiện hành động từ chối từ ngữ liệu tiểu thuyết đương đại Italia, từ đó nhận diện và phân loại các phương tiện biểu đạt của hành động từ chối trực tiếp và gián tiếp trong tiếng Italia trong nhiều ngữ cảnh hội thoại. Kết quả cho thấy sự đa dạng về phương tiện biểu đạt từ chối trong tiếng Italia, trong đó người Italia ưu tiên thực hiện hành động từ chối gián tiếp, chủ yếu thông qua các hành động thuộc nhóm tái hiện (*khẳng định, thông báo*) và nhóm điều khiển (*yêu cầu, đề nghị*). Đối với hành động từ chối trực tiếp, các phương tiện từ vựng và ngữ pháp được sử dụng chủ yếu ở dạng phủ định như từ phủ định “No” hay các cấu trúc câu phủ định với “Non”. Qua đó, bài viết góp phần hệ thống hóa mô tả ngữ dụng học tiếng Italia và cung cấp gợi ý ứng dụng cho dạy-học tiếng Italia tại Việt Nam.

TỪ KHÓA: Hành động ngôn ngữ; phương tiện biểu đạt; từ chối trực tiếp; từ chối gián tiếp; tác phẩm văn học bằng tiếng Italia.

NHẬN BÀI: 26/02/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/06/2026

1. Mở đầu

1.1. Dưới góc độ lý thuyết hành động ngôn ngữ, từ chối là một hành động phức tạp, đồng thời thể hiện văn hóa ứng xử trong từng ngôn ngữ. Do bản chất của hành động, việc từ chối đòi hỏi người nói phải lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ và chiến lược phù hợp để tránh làm mất thể diện (*face*) của người nghe và duy trì mối quan hệ liên nhân. Theo phân loại của Austin (1962), từ chối thuộc nhóm hành động “*ứng xử*” (*behavitives*), còn theo phân loại của Searle (1969), từ chối thuộc nhóm “*biểu cảm*” (*expressives*). Theo Hoàng Phê (1988), “từ chối” được định nghĩa là “*không chịu nhận cái được dành cho hoặc được yêu cầu*” [Hoàng Phê, 1988, tr.1072]. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi khảo sát phương tiện biểu đạt của hành động từ chối với cách hiểu là *không chấp nhận, không thực hiện các hành động được cầu khiến* trong các đoạn hội thoại với hai lượt lời. Ở lượt lời thứ nhất, người nói thực hiện các hành động thuộc nhóm cầu khiến như *yêu cầu, đề nghị, mời, rủ, nài nỉ*. Ở lượt lời thứ 2, người nghe đáp lại bằng cách sử dụng các phương tiện ngôn ngữ tạo thành phát ngôn để thực hiện hành động từ chối.

1.2. Dựa vào định nghĩa về hành động từ chối nêu trên, trong bài viết này, chúng tôi tiến hành: 1/Khảo sát tần suất xuất hiện của hành động từ chối trực tiếp và gián tiếp trong ngữ liệu một số tiểu thuyết đương đại Italia; 2/Nhận diện và phân loại các phương tiện biểu đạt hành động từ chối trực tiếp và gián tiếp; 3/Mô tả một số ví dụ điển hình nhằm làm rõ các phương tiện biểu đạt từ vựng và ngữ pháp.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Ngữ liệu nghiên cứu

Phạm vi khảo sát ngữ liệu của bài viết là 04 tiểu thuyết đương đại Italia, phản ánh nhiều phương diện của xã hội và đời sống Italia đương đại, từ quan hệ gia đình, tình bạn, giáo dục, thân phận cá nhân đến những vấn đề về tâm lý, tội phạm và các xung đột trong đời sống xã hội. Các tiểu thuyết

*Trường Đại học Hà Nội; Email: linhnp@hanu.edu.vn

được lựa chọn lần lượt là: “*La solitudine dei numeri primi*” (Sự cô đơn của các số nguyên tố, 2008), “*L’amica geniale*” (Người bạn phi thường, 2011), “*Il tribunale delle anime*” (Tòa án linh hồn, 2011) và “*Il cacciatore del buio*” (Thợ săn bóng tối, 2014). Lí do lựa chọn thể loại tiểu thuyết là bởi các tác phẩm này chứa nhiều đoạn hội thoại, tái hiện chân thực các tình huống giao tiếp đời thường của người Italia, qua đó tạo điều kiện cho việc nhận diện, phân loại và phân tích hành động từ chối, đồng thời đảm bảo các kết quả rút ra có cơ sở ngôn liệu và phản ánh sát thực tiễn sử dụng ngôn ngữ của người Italia. Trên cơ sở đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu các phát ngôn thực hiện hành động từ chối được các nhân vật trong tác phẩm thực hiện.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính trong ngữ dụng học, cụ thể:

- Phương pháp miêu tả - phân tích dùng để nhận diện, phân loại và khảo sát các hành động ngôn ngữ từ chối trong ngữ liệu;
- Phương pháp phân tích diễn ngôn, kết hợp với phân tích hội thoại theo hướng ngữ dụng học với mục đích xem xét hành động từ chối trong mạch tương tác của lời thoại nhân vật, gắn với từng bối cảnh giao tiếp cụ thể;
- Các thủ pháp thống kê và phân loại là công cụ hỗ trợ để hệ thống hóa các loại hành động từ chối, các phương tiện biểu đạt, góp phần tăng tính khách quan và độ tin cậy cho kết quả nghiên cứu.

3. Tổng quan tình hình nghiên cứu

3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu hành động ngôn ngữ trên thế giới và tại Italia

Lí thuyết hành động ngôn ngữ được khởi xướng bởi Austin trong công trình “*How to Do Things with Words*” (1962), sau đó được Searle phát triển trong “*Speech Acts: An Essay in the Philosophy of Language*” (1969) với hệ thống năm nhóm hành động ngôn ngữ cơ bản: *tái hiện, điều khiển, cam kết, biểu cảm và tuyên bố*. Với nền tảng đó, nhiều công trình tiếp tục mở rộng hướng nghiên cứu hành động ngôn ngữ từ bình diện lí thuyết đến ứng dụng trên thế giới, tiêu biểu như “*Principles of Pragmatics*” của Leech (1983) và “*Directive Speech Acts in Conflict Situations Among Advanced Non-native Speakers of English*” của Hammonds (2011).

Tại Việt Nam, lí thuyết hành động ngôn ngữ được giới thiệu và hệ thống hóa trong các công trình như “*Ngữ dụng học*” của Nguyễn Đức Dân (1998) và “*Đại cương ngôn ngữ học, tập 2: Ngữ dụng học*” của Đỗ Hữu Châu (2005). Những nghiên cứu lí thuyết kể trên làm nền tảng cho nhiều nghiên cứu ứng dụng đi sâu vào phân tích từng hành động ngôn ngữ cụ thể, chẳng hạn như trong nghiên cứu “*Khảo sát hành vi rào đón trong giao tiếp tiếng Việt*” của Đào Thanh Lan (2012), “*Hành vi nịnh trong tiếng Việt*” của Nguyễn Thị Thanh Huệ (2015), “*Hành vi xin phép và hỏi đáp trong tiếng Anh và tiếng Việt*” của Nguyễn Thị Mai Hoa (2016), “*Hành vi chia buồn và hỏi đáp lời chia buồn của người Việt*” của Nguyễn Thị Bích Hằng (2020) và “*Hành động phản nản trong tiếng Việt và tiếng Nhật*” của Dương Quỳnh Nga (2024). Các công trình này cho thấy xu hướng nghiên cứu hành động ngôn ngữ tại Việt Nam thường tập trung vào một hành động cụ thể hoặc tiếp cận theo hướng so sánh - đối chiếu.

Trong bối cảnh Italia, hành động ngôn ngữ cũng được nghiên cứu từ nhiều bình diện khác nhau, tiêu biểu như công trình “*Slur e atti linguistici multipli*” (Lời xúc phạm và hành động ngôn ngữ đa tầng) của Tenchini và Frigerio (2023) hay nghiên cứu mang tên “*Atti linguistici, mosse conversazionali, linee d’azione comunicativa e leadership*” (Hành động ngôn ngữ, bước đi hội thoại, định hướng hành động giao tiếp và vai trò lãnh đạo) của Trevisani (2023), “*Atti linguistici in spazi pubblici. Un confronto tra Italia e Germania*” (Hành động ngôn ngữ nơi công cộng. Một đối chiếu giữa Italia và Đức) của Ehrhardt và Schaefroth (2022). Các công trình này góp phần làm rõ hành động ngôn ngữ trong các hiện tượng giao tiếp như lời xúc phạm, giao tiếp lãnh đạo và tương tác nơi công cộng.

3.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu hành động từ chối trên thế giới và tại Italia

Trên thế giới và tại Việt Nam, hành động ngôn ngữ từ chối thường được nghiên cứu theo hướng so sánh - đối chiếu giữa các ngôn ngữ và các nền văn hóa khác nhau. Công trình của Beebe, Takahashi & Uliss-Weltz (1990) đã so sánh hành động từ chối giữa người Mỹ và người Nhật, cho thấy sự khác biệt rõ rệt về mức độ lịch sự và cấu trúc phát ngôn. Tại Việt Nam, một số nghiên cứu đi sâu phân tích phương thức biểu hiện, làm rõ đặc điểm ngôn ngữ của hành động từ chối hay đối chiếu hành động từ chối giữa tiếng Việt và một ngôn ngữ khác, tiêu biểu như nghiên cứu “*Phương thức biểu hiện hành vi từ chối lời cầu khiến trong tiếng Anh (liên hệ với tiếng Việt)*” của Trần Chi Mai (2005), nghiên cứu “*Đối chiếu đặc điểm ngôn ngữ của hành vi từ chối trực tiếp trong tiếng Việt và tiếng Nga*” của Nguyễn Tư Sơn (2019), “*Nghiên cứu đối chiếu hành vi từ chối lời đề nghị và lời mời của người Mỹ và người Việt*” của tác giả Vương Thị Hải Yến (2019).

Tại Italia, nghiên cứu về hành động từ chối (*atti di rifiuto*) chủ yếu phát triển trong hai hướng: ngữ dụng học đối chiếu và phân tích văn bản văn học. Trong lĩnh vực ngữ dụng học đối chiếu, một số công trình nổi bật có thể kể đến như “*La cortesia verbale e gli atti di rifiuto di un invito. Uno studio contrastivo italiano - spagnolo*” (*Lịch sự trong lời nói và hành động từ chối lời mời. Nghiên cứu đối chiếu Italia - Tây Ban Nha*) của Salmaso Erica (2009), trong đó tác giả phân tích cách thức người Italia và người Tây Ban Nha thực hiện hành động từ chối lời mời, nhấn mạnh vai trò của lịch sự ngôn ngữ và các chiến lược giảm nhẹ nhằm tránh gây xúc phạm. Neama Abdelaty Mohamed Ahmed (2019) đã thực hiện công trình nghiên cứu mang tên “*Gli atti del rifiuto nel teatro di Eduardo De Filippo*” (*Hành động từ chối trong vở kịch của Eduardo De Filippo*), qua đó làm nổi bật cách các nhân vật trong vở kịch thực hiện hành động từ chối ở những bối cảnh xã hội khác nhau. Nghiên cứu này cho thấy từ chối không chỉ là hành vi ngôn ngữ đơn lẻ, mà còn là công cụ thể hiện tính cách nhân vật, mối quan hệ quyền lực và sắc thái văn hóa của xã hội Italia.

Tuy vậy, các nghiên cứu hiện có vẫn chưa khảo sát một cách hệ thống các phương tiện biểu đạt hành động ngôn ngữ từ chối trong tiếng Italia dựa trên ngữ liệu tiểu thuyết đương đại. Đây là nguồn ngữ liệu có khả năng phản ánh rõ nét cách thức người Italia thực hiện hành động từ chối thông qua các phương tiện từ vựng và ngữ pháp, từ đó đặt ra nhu cầu cấp thiết cần có một nghiên cứu phân tích chuyên sâu về vấn đề này.

4. Cơ sở lý luận

4.1. Tiêu chí nhận diện hành động từ chối

Dựa trên bộ tiêu chí phân loại hành động ở lời do J. Searle (1969) xác lập, hành động từ chối có thể nhận diện thông qua 4 tiêu chí:

- *Đích ở lời*: Có mục đích không chấp nhận, không đồng thuận thực hiện một hành động được đối phương cầu khiến như yêu cầu, đề nghị, mời, rủ, nài nỉ.

- *Hướng điều chỉnh giữa lời và hiện thực*: Người nói dùng phát ngôn thực hiện hành động từ chối để ngăn hiện thực diễn ra theo hành động cầu khiến của người nghe, tức là làm cho hành động được cầu khiến không xảy ra trong hiện thực.

- *Trạng thái tâm lý*: Trạng thái chân thực của người nói khi đưa ra phát ngôn từ chối là không chấp thuận, không đồng tình thực hiện hành động mà đối phương mong muốn.

- *Nội dung mệnh đề*: Bản chất nội dung của hành động từ chối là không đồng ý thực hiện hành động được cầu khiến vì vậy thường chứa các phương tiện ngôn ngữ có tính chất phủ định.

4.2. Hành động từ chối trực tiếp và gián tiếp

Hành động ngôn ngữ nói chung và hành động ngôn ngữ từ chối nói riêng thường được thực hiện theo hai cách: trực tiếp và gián tiếp.

a. Hành động từ chối trực tiếp

Hành động từ chối trực tiếp được thực hiện thông qua các phát ngôn chứa phương tiện ngôn ngữ tường minh, dấu hiệu của chúng có khả năng chỉ ra ý định không chấp nhận thực hiện hành động được yêu cầu. Một số phương tiện thực hiện hành động từ chối trực tiếp trong các ngôn ngữ, bao gồm cả tiếng Italia, điển hình như động từ ngữ vi, từ phủ định và các cấu trúc phủ định.

- Biểu thức chứa động từ ngữ vi, ví dụ:

A: *Dammi i soldi!* (Đưa tôi tiền!)

B: *Io rifiuto. Li ho già dati tutti alla mia mamma.* (Tôi từ chối. Tôi đã đưa tất cả tiền cho mẹ rồi.)

- Từ phủ định “NO”, ví dụ:

A: *Portate quei libri a scuola!* (Các con hãy mang những cuốn sách đó đến trường!)

B: *No, non possiamo.* (Không, chúng con không thể.)

Thông qua các phương tiện ngôn ngữ chuyên dụng mang tính phủ định xuất hiện trong phát ngôn như động từ ngữ vi “*rifiutare*” (từ chối), từ phủ định “*No*” (Không), cấu trúc câu phủ định “*Non*” (Không) + động từ tình thái “*Potere*” (có thể), người nghe hoàn toàn hiểu ngay mục đích từ chối của người nói.

b. Hành động từ chối gián tiếp

Ngược lại với trực tiếp, hành động từ chối gián tiếp thường được thực hiện thông qua một hành động ngôn ngữ khác, đòi hỏi người nghe phải dựa vào ngữ cảnh để suy ý. Theo Đỗ Hữu Châu (2005), hành động ngôn ngữ gián tiếp có các đặc điểm sau: (1) Phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh; (2) Có một hoặc một số biểu thức ngữ vi đặc trưng; (3) Dấu hiệu hình thức là các phát ngôn ngữ vi của hành vi trực tiếp; (4) Hành động ngôn ngữ gián tiếp bị quy định bởi thuyết lập luận, các phương châm hội thoại, phép lịch sự,... [Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.495-497].

Ví dụ:

A: *Luca, mangia la torta, è buonissima.* (Luca ơi, ăn bánh đi, ngon lắm.)

B: *Devo partire subito.* (Tôi phải khởi hành ngay bây giờ.)

Trong ví dụ, phát ngôn thực hiện hành động từ chối gián tiếp không chứa các phương tiện ngôn ngữ dạng phủ định, mà được thực hiện với dấu hiệu hình thức là một hành động thông báo “*Devo partire subito.*” (Tôi phải khởi hành ngay bây giờ.)

4.3. Hành động từ chối dưới góc nhìn lí thuyết hội thoại

Việc phân tích hành động từ chối của người Italia cần đặt trong bối cảnh cụ thể, có tới thiếu hai vai giao tiếp, bao gồm: người nói (S) thực hiện lời *yêu cầu, đề nghị, mời, rủ, nài nỉ* và người nghe (H) hồi đáp. Hội thoại là môi trường cơ bản để các hành động ngôn ngữ được thực hiện và diễn giải. Do đó, bài viết này tập trung khai thác những nội dung của lí thuyết hội thoại có liên quan trực tiếp đến hành động từ chối.

Theo Đỗ Hữu Châu (2005), hội thoại là quá trình giao tiếp hai chiều với sự luân phiên phát ngôn và hồi đáp. Một số yếu tố chi phối hội thoại cơ bản như thời gian, không gian, mối quan hệ, địa vị xã hội của từng người trong hội thoại, mục đích, mức độ trang trọng. Về mặt cấu trúc, Nguyễn Đức Dân (1998) đã xác lập các cấp độ của hệ thống hội thoại, trong đó cặp thoại hay còn gọi là cặp kế cận được xem là đơn vị song thoại nhỏ nhất “*có quan hệ trực tiếp với nhau*”, phát ngôn thứ nhất thường định hướng cho phát ngôn thứ hai.

Cặp thoại giữ vai trò trung tâm vì thể hiện rõ tính tuyến tính, tính kế cận và tính ưa chuộng hoặc không ưa chuộng của hồi đáp. Hồi đáp tích cực thường tạo ra cặp thoại ưa chuộng, ví dụ: đề nghị - chấp thuận; còn hồi đáp tiêu cực tạo ra cặp thoại không ưa chuộng, ví dụ: mời - từ chối. Các cặp thoại vận hành theo quy tắc như sau: lượt lời đầu xác lập định hướng cách người nghe lựa chọn phản ứng, phản hồi có thể trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện một hành động ngôn ngữ.

Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào cặp thoại hai lượt lời, trong đó từ chối nằm ở lượt lời thứ hai với ngữ cảnh đủ rộng để hiểu ý nghĩa từ chối mà nhân vật thực hiện nhằm phản hồi lại các hành vi cầu khiến.

5. Kết quả nghiên cứu

Trong phạm vi ngữ liệu là 04 tiểu thuyết đương đại và khoanh vùng các phát ngôn thực hiện hành động từ chối với cách hiểu là không chấp nhận thực hiện các hành động được cầu khiến, chúng tôi thu thập được tổng số 188 phát ngôn. Số lượng các phát ngôn thực hiện hành động ngôn ngữ từ chối trực tiếp và gián tiếp được biểu thị trong Bảng 1.

Bảng 1. Bảng thống kê số lượng hành động từ chối

STT	Loại hành động từ chối	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Hành động từ chối trực tiếp	64	34
2	Hành động từ chối gián tiếp	124	66
	Tổng (1 – 2)	188	100

Kết quả cho thấy rằng, người Italia thực hiện hành động từ chối theo lối gián tiếp nhiều hơn trực tiếp, với số lượng là 124 trên tổng 188 hành động, tương đương 66%. Trong khi đó, hành động từ chối trực tiếp ghi nhận số lượng 64, tương đương 34%. Các phương tiện từ vựng và ngữ pháp được dùng để biểu đạt hành động từ chối trong ngữ liệu sẽ được trình bày cụ thể trong các mục 4.1 và 4.2.

5.1. Phương tiện biểu đạt hành động từ chối trực tiếp

Các phương tiện biểu đạt được sử dụng đối với hành động từ chối trực tiếp bao gồm cả dạng phủ định và khẳng định với số lượng và tỉ lệ (%) được trình bày cụ thể trong Bảng 2.

Bảng 2. Tần suất sử dụng các phương tiện biểu đạt HĐTC trực tiếp tiếng Italia

STT	Phương tiện biểu đạt HĐTC trực tiếp	Số lượng	Tỉ lệ (%)
	I. Dạng phủ định		
1	<i>Từ phủ định “No”</i>	18	28.1
2	<i>Cấu trúc phủ định “Non” + động từ tình thái</i>	21	32.8
3	<i>Cấu trúc phủ định “Non” + động từ thường</i>	18	28.1
4	<i>Câu vô nhân xưng dạng phủ định</i>	3	4.6
5	<i>Cấu trúc phủ định đảo tân ngữ</i>	1	1.6
6	<i>Câu mệnh lệnh dạng phủ định</i>	1	1.6
	II. Dạng khẳng định		
7	<i>Câu trần thuật ở thì hiện tại đơn “Faccio da sola” (Tôi tự làm được)</i>	1	1.6
8	<i>Từ thô tục</i>	1	1.6
	Tổng (1 - 8)	64	100

Dựa vào kết quả khảo sát trong Bảng 2, có thể thấy rằng người Italia ưa chuộng sử dụng các phương tiện biểu đạt ở dạng phủ định như (i) *Cấu trúc phủ định “Non” + động từ tình thái*, (ii) *Từ phủ định “No”*, (iii) *Cấu trúc phủ định “Non” + động từ thường*, (iv) *Câu vô nhân xưng dạng phủ định*, (v) *Cấu trúc phủ định đảo tân ngữ* và (vi) *Câu mệnh lệnh dạng phủ định*. Trong đó, phương tiện được sử dụng với tần suất cao nhất là *Cấu trúc phủ định “Non” + động từ tình thái*, xuất hiện 21 lần, chiếm 32,8%. Ở vị trí thứ hai là *Từ phủ định “No”* và *Cấu trúc phủ định “Non” + động từ thường*, đều xuất hiện 18 lần, tương đương 28,1%. *Câu vô nhân xưng dạng phủ định* chỉ xuất hiện ba lần trong phạm vi ngữ liệu khảo sát, chiếm 4,6%. Ở dạng phủ định còn có 2 phương tiện biểu đạt là *Cấu trúc phủ định đảo tân ngữ* và *Câu mệnh lệnh dạng phủ định*, mỗi phương tiện chỉ xuất hiện một lần, tương đương 1,6%.

Các phương tiện biểu đạt hành động từ chối trực tiếp ở dạng khẳng định như *Câu trần thuật ở thì hiện tại đơn “Faccio da sola” (Tôi tự làm được)* và *Từ thô tục* xuất hiện với tần suất thấp, mỗi phương tiện chỉ xuất hiện một lần, chiếm 1,6% trên tổng số. Các phương tiện nêu trên, dù ở dạng phủ định hay khẳng định, đều có lực ngôn ngữ trung mạnh, giúp người nghe nhận diện đích từ chối ngay lập tức mà không cần dựa vào ngữ cảnh hay suy ý.

Một số ví dụ điển hình sẽ được phân tích nhằm làm rõ từng phương tiện biểu đạt hành động từ chối trực tiếp ở hai nhóm khẳng định và phủ định.

5.1.1. Phương tiện biểu đạt hành động từ chối trực tiếp dạng phủ định

a. Từ phủ định “No” (Không)

Đây là phương tiện từ vựng biểu đạt hành động từ chối rõ nhất, nằm trong lượt lời thứ hai. Ngữ liệu cho thấy từ phủ định “No” có thể dùng như một phát ngôn độc lập hoặc kết hợp với một, cũng có thể đi kèm ngữ đoạn hoặc mệnh đề để gia tăng lực từ chối.

Ví dụ 1: Cuộc hội thoại giữa Alberto và Mattia khi Alberto mời Mattia qua nhà chơi.

Alberto: *“Ma perché la sera non fai altro? Se tu ogni tanto venissi a bere qualcosa con noi.”* (Nhưng sao buổi tối cậu không làm gì khác? Ví như thỉnh thoảng cậu đến uống gì đó với chúng tớ.)

Mattia: *“No.”* (Không) [1, tr.91]

Qua ví dụ trên, người nói sử dụng “No” để từ chối trực tiếp lời mời của đối phương. Trong bối cảnh quan hệ bạn bè, khoảng cách xã hội và chênh lệch quyền lực thấp, nên người nói sử dụng phương tiện từ vựng ngắn gọn và dứt khoát để từ chối thẳng thắn mà không sợ làm mất thể diện của đối phương.

Ví dụ 2: Cuộc hội thoại giữa Zini, Marcus - một vị linh mục bí mật điều tra các vụ án. Zini đề nghị Marcus đến nhà của mình vào lúc tối muộn để nói chuyện.

Zini: *“Vieni stasera sul tardi.”* (Anh hãy tới đây vào lúc tối muộn.)

Marcus: *“No, ora.”* (Không, ngay bây giờ.) [3, tr.226]

Bên cạnh việc sử dụng từ phủ định “No”, người nói đã gia tăng hiệu lực ở lời của hành động từ chối bằng một trạng từ đi kèm: “ora” (ngay bây giờ), giúp định hướng lại hành động theo yêu cầu của người nói.

Trong một số đoạn thoại, người nói sử dụng từ phủ định “No” kết hợp với các nhả ngữ như “grazie” (cảm ơn), “mi dispiace” (xin lỗi) để bày tỏ sự trân trọng, tiếc nuối, nhằm đề cao thể diện của đối ngôn giao tiếp, góp phần giảm nhẹ mức độ dứt khoát của hành động từ chối.

Ví dụ 3: Cuộc hội thoại giữa Marcello và Nunzia tại nhà của bà Nunzia.

Marcello: *“Signora, vuole venire pure Lei?”* (Cô ơi, cô có muốn đi cùng chúng cháu không?)

Nunzia: *“No, grazie, Marcè.”* (Không, cảm ơn cháu, Marcè.) [2, tr.223]

b. Cấu trúc phủ định “Non” + động từ tình thái

Dựa trên số liệu trong Bảng 2, cấu trúc phủ định “Non” + động từ tình thái (chủ yếu là “Potere” (có thể) và “Volere” (muốn)), thường được chia ở ngôi thứ nhất số ít hoặc số nhiều, chiếm số phần trăm lớn nhất (32,8%) trong tổng số các phương tiện biểu đạt hành động từ chối trực tiếp tiếng Italia.

Ví dụ 4: Cuộc hội thoại giữa Marcus và Sandra, Marcus yêu cầu Sandra xác nhận một manh mối về vụ án.

Marcus: *“Avevo ragione: qualcuno ha sottratto una prova alla scena del crimine, vero?”* (Tôi đã có lí: ai đó đã đánh cắp một bằng chứng tại hiện trường vụ án, phải không?)

Sandra: *“Non posso parlarti dell'indagine.”* (Tôi không thể nói cho anh về cuộc điều tra.) [3, tr.76]

Ví dụ 5: Cuộc hội thoại giữa Battista và Strini khi Battista đề nghị Strini nhận một món quà.

Battista: *“Tu ancora non lo sai, ma essere mio amico comporta dei vantaggi.”* (Cậu vẫn chưa biết đâu, nhưng làm bạn với tôi là một lợi thế đấy.)

Strini: *“Non voglio soldi.”* (Tôi không muốn tiền.) [4, tr.113]

Trong ví dụ số 5 và 6, người nói từ chối bằng cấu trúc “Non” + động từ tình thái, lần lượt là “Potere” (có thể) và “Volere” (muốn) (đều chia ở ngôi thứ nhất số ít), biểu thị sự bất khả hoặc sự không mong muốn thực hiện hành động, từ đó không chấp nhận thực hiện hành động yêu cầu và đề nghị.

Khi sử dụng cấu trúc này, người Italia thường kết hợp với các nhả ngữ nhằm giảm nhẹ lực từ chối, thể hiện sự trân trọng thiện chí của đối phương và duy trì mối quan hệ liên nhân.

Ví dụ 6: Cuộc hội thoại giữa Marcello và Lenuccia khi Marcello phóng xe qua mặt Lenuccia và mời cô cùng bạn bè lên xe đi dạo.

Marcello: *“Salite, mezz'ora solo e vi riportiamo qua.”* (Các cô lên xe đi, chỉ nửa giờ thôi và chúng tôi sẽ trả lại các cô về đây.)

Lenuccia: *“Grazie, ma non possiamo.”* (Cảm ơn, nhưng chúng tôi không thể.) [2, tr.114]

c. Cấu trúc phủ định “Non” + động từ thường

Trong nghiên cứu này, động từ thường được hiểu cụ thể là các động từ không thuộc nhóm tình thái. Kết quả khảo sát cho thấy “Essere” (là, thì) là động từ xuất hiện với tần suất cao nhất trong cấu

trúc này, thường được chia ở ngôi thứ nhất số ít, số nhiều hoặc ngôi thứ 3 số ít, số nhiều. Một số phát ngôn điển hình như “*Non sono capace*” (Tôi không có khả năng), “*Non era niente*” (Không có gì đâu), “*Non siamo autorizzati a...*” (Chúng tôi không được phép làm...), “*Non sono ancora pronto*” (Tôi vẫn chưa sẵn sàng),... Ngoài ra, cấu trúc này còn ghi nhận động từ “*avere*” (có) để phủ nhận khả năng thực hiện của người nói.

Ví dụ 7: Cuộc hội thoại giữa Noni và Shalber khi Noni yêu cầu Shalber chờ.

Noni: *Aspetti un momento*. (Đợi chút đã.)

Shalber: *Signor Noni, io non ho tempo da perdere*. (Anh Noni, tôi không có thời gian để lãng phí.) [3, tr.218]

Ví dụ 8: Cuộc hội thoại giữa Sandra và người yêu của Pia (nữ cảnh sát đã chết khi tham gia chiến dịch bắt tội phạm), Sandra đề nghị người yêu của Pia cung cấp thông tin.

Sandra: “*Posso chiederti perché te ne sei andato dal funerale?*” (Tôi có thể hỏi anh vì sao anh lại đi khỏi đám tang không?)

Người yêu của Pia: “*Non sono affari tuoi*.” (Đó không phải là việc của cô.) [4, tr.91]

Ở ví dụ 7, phủ định với “*avere*” (có) trong “*non ho tempo da perdere*” (tôi không có thời gian để lãng phí) trực tiếp bác bỏ yêu cầu “*đợi*” của người nghe, đồng thời đây cũng là một lí do nên lực từ chối dù dứt khoát nhưng hợp lí.

Ở ví dụ 8, phủ định với “*essere*” trong “*non sono...*” (đó không phải việc của cô) giúp khước từ quyền đòi hỏi của đối phương, qua đó bảo vệ tính riêng tư của người nói.

d. Câu vô nhân xưng dạng phủ định

Câu vô nhân xưng được hiểu là một câu có chủ ngữ giả, không nêu đích danh người hay vật cụ thể, thường dùng để diễn đạt một sự tình mang tính khách quan.

Ví dụ 9: Cuộc hội thoại giữa Alice và bà Sol (người giúp việc nhà Alice). Alice đề nghị bà Sol đóng giả làm mẹ của cô bé.

Alice: “*Tu fai finta di essere mia madre. Dovrai solo firmare un foglio, non dovrai dire nulla*.” (Bác giả vờ làm mẹ cháu. Bác sẽ chỉ phải ký vào một tờ giấy, bác sẽ không phải nói gì cả.)

Bà Sol: “*Ma non si può, amore mio, non si può*.” (Không thể làm thế, cháu yêu, không thể đâu.) [1, tr.1]

Cấu trúc vô nhân xưng dạng phủ định “*non si può*” (không thể làm thế) giúp người nói từ chối trực tiếp lời đề nghị dù không chia chủ ngữ ở ngôi thứ nhất số ít. Điều này giúp việc từ chối trở thành một hành động tất yếu, người nói không thể phá vỡ nguyên tắc hay chuẩn mực khách quan, nhờ đó giảm nguy cơ đe dọa thể diện của Alice và tránh để bà Sol bị coi là không muốn giúp đỡ cô bé.

e. Cấu trúc phủ định đảo tân ngữ

Ví dụ 10: Cuộc hội thoại giữa Zini và Sandra ở nhà của Zini, Zini đề nghị Sandra mang đồng hồ sơ vụ án đi.

Zini: “*Se vuole, può portarlo via*.” (Nếu muốn, cô có thể mang nó đi.)

Sandra: “*A me non serve più*.” (Tôi không cần nó nữa.) [3, tr.229]

Trong lượt đáp, Sandra sử dụng cấu trúc phủ định đảo tân ngữ là “*A me*” (với tôi) lên đầu câu để nhấn mạnh lập trường cá nhân rằng cô không còn cần tài liệu nữa. Việc đảo tân ngữ lên vị trí đầu câu làm đích từ chối trở nên rõ ràng và dứt khoát, đồng thời vẫn giữ sắc thái mềm hơn so với “*No*” vì được trình bày như một lí do (không còn cần nữa).

f. Câu mệnh lệnh dạng phủ định

Ví dụ 11: Cuộc hội thoại giữa Fernando và Marcus ở nhà của Fernando.

Fernando: “*Aspetta qui*.” (Anh hãy đợi ở đây.)

Marcus: “*Non ci pensare nemmeno, vengo con te*.” (Anh đừng nghĩ tới điều đó, tôi sẽ đi cùng anh.) [4, tr.129]

Trong ví dụ, Marcus từ chối bằng câu mệnh lệnh ở dạng phủ định “*Non ci pensare nemmeno*”, qua đó bác bỏ ngay lập tức khả năng thực hiện yêu cầu “*đợi ở đây*” của Fernando. Mệnh đề đi kèm

“*vengo con te*” (tôi sẽ đi cùng anh) khẳng định lựa chọn đối lập với hành động mà đối phương yêu cầu, khiến lượt đáp mang sắc thái đối đầu rõ hơn.

5.1.2. Phương tiện biểu đạt hành động từ chối trực tiếp dạng khẳng định

a. Câu trần thuật ở thì hiện tại đơn “*Faccio da sola*” (Tôi tự làm được)

Ví dụ 12: Cuộc hội thoại giữa viên trợ giảng và Sandra tại văn phòng trường. Sandra làm rơi các tấm ảnh liên quan đến vụ án của David, người chồng đã khuất của cô.

Viên trợ giảng: “*Lasci, l’aiuto.*” (Cứ để đó, tôi giúp cô.)

Sandra: “*Faccio da sola, non si preoccupi.*” (Tôi tự làm được, ông đừng lo.) [3, tr. 335]

Sandra từ chối lời đề nghị giúp đỡ bằng câu trúc “*Faccio da sola*” (Tôi tự làm được) với động từ chia ở ngôi thứ nhất số ít trong thì hiện tại đơn, khẳng định khả năng thực hiện hành động độc lập và bác bỏ đề nghị hỗ trợ của viên trợ giảng mà không cần sử dụng các phương tiện phủ định. Mệnh đề đi kèm “*Non si preoccupi*” (Đừng lo lắng) đóng vai trò giảm nhẹ xung đột, khiến lời từ chối trở nên lịch sự hơn.

b. Từ thô tục

Hành động từ chối trực tiếp thông qua sự xuất hiện của từ thô tục xúc phạm trực tiếp đến thể diện của người nghe. Việc sử dụng phương tiện từ vựng này khiến lời từ chối trở nên dứt khoát, không thể thương lượng được và bày tỏ thái độ coi thường đối ngón.

Ví dụ 13: Cuộc hội thoại giữa Stefano và Pia khi 2 cảnh sát đóng giả làm 1 cặp đôi để bắt tội phạm.

Stefano: “*Dici che dovremmo baciarsi?*” (Cô có nghĩ rằng chúng ta nên hôn nhau không?)

Pia: “*Vaffanculo, Stefano.*” (Cút đi, Stefano.) [4, tr. 56]

5.2. Phương tiện biểu đạt hành động từ chối gián tiếp

Trong ngữ liệu, chúng tôi thu thập được 124 phát ngôn thực hiện hành động từ chối gián tiếp. Đặc trưng của hành động từ chối gián tiếp là không được thực hiện thông qua các phương tiện ngôn ngữ tường minh như các cấu trúc phủ định, mà thông qua một hành động ngôn ngữ trực tiếp khác. Trên cơ sở đó, để mô tả phương tiện biểu đạt, chúng tôi tiến xác định hành động trực tiếp trên bề mặt của từng phát ngôn và phân loại 124 trường hợp thành 11 loại hành động trực tiếp, được trình bày cụ thể trong Bảng 3.

Bảng 3. Tần suất sử dụng các phương tiện biểu đạt HĐTC trực tiếp tiếng Italia

STT	Phương tiện biểu đạt HĐTC gián tiếp	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I. Nhóm tái hiện (Rappresentatives)			
1	Hành động thông báo	15	12.1
2	Hành động khẳng định	49	39.5
3	Hành động trình bày	06	4.8
4	Hành động bác bỏ	02	1.6
5	Hành động nhắc nhở	03	2.4
II. Nhóm điều khiển (Directives)			
6	Hành động yêu cầu/đề nghị	19	15.3
7	Hành động van xin	02	1.6
8	Hành động hỏi	19	15.3
III. Nhóm cam kết (Commissives)			
9	Hành động đe dọa	01	0.8
10	Hành động cam kết	07	5.6
IV. Nhóm biểu cảm (Expressives)			
11	Hành động mỉa mai	01	0.8
Tổng (1 - 11)		124	100

Kết quả khảo sát ngữ liệu ở Bảng 3 cho thấy, trong tổng số 124 trường hợp, các phát ngôn thực hiện hành động từ chối gián tiếp được biểu hiện phổ biến nhất thông qua hành động khẳng định với

49 trường hợp (39,5%). Tiếp theo là *hành động hỏi* và *hành động yêu cầu/đề nghị*, cùng ghi nhận 19 trường hợp. Điều này cho thấy người Italia có xu hướng đưa ra một nhận định, thường là nêu lý do, tình trạng, quan điểm để người nghe suy ra ý định không thực hiện hành động được cầu khiến của người nói. Việc thực hiện hành động từ chối gián tiếp thông qua các hành động thuộc *nhóm điều khiển* (*directives*) cho thấy người nói thường chuyển hướng hội thoại, đưa ra yêu cầu, đề nghị ngược lại về phía người nghe để trì hoãn, né tránh thực hiện hành động.

Nhóm hành động với tần suất xuất hiện trung bình bao gồm *hành động cam kết* với 7 trường hợp (5,6%) và *hành động trình bày* với 6 trường hợp (4,8%). Điều này cho thấy người nói đôi khi đưa ra lời hứa hẹn, đặt điều kiện hoặc giải trình để giảm mức độ đối đầu khi từ chối.

Ngược lại, các hành động ít gặp hơn như *bác bỏ*, *van xin* (mỗi loại chiếm 1,6%) hay *nhắc nhở* (2,4%), *mỉa mai* và *đe dọa* (mỗi loại chiếm 0,8%) cho thấy người Italia ít khi dùng các cách biểu đạt mang tính đối kháng cao hoặc chỉ sử dụng trong một vài ngữ cảnh, khi các nhân vật đang có xung đột và đây mới quan hệ trở nên căng thẳng hơn.

Dựa trên tiêu chí phân loại nhóm các hành động ngôn ngữ của J. Austin (1962) và J. Searle (1969), chúng tôi tiến hành phân tích một số ví dụ điển hình của hành động từ chối gián tiếp thông qua từng loại hành động khác nhau, lần lượt theo các nhóm: *tái hiện* (*rappresentatives*), *điều khiển* (*directives*), *cam kết* (*commissives*) và *biểu cảm* (*expressives*).

5.2.1. Từ chối gián tiếp thông qua hành động thuộc nhóm tái hiện

a. Từ chối gián tiếp thông qua hành động thông báo

Người nói thường đưa ra thông báo về việc phải làm hoặc các điều kiện khách quan ràng buộc, từ đó khiến người nghe hiểu rằng người nói không thể thực hiện hành động được cầu khiến. Mục đích từ chối được thể hiện rõ ràng nhưng vẫn mềm mỏng hơn so với các phương tiện biểu đạt trực tiếp. Do đó, các phát ngôn thường bắt đầu bằng “*Devo...*” (Tôi phải...).

Ví dụ 14: Cuộc hội thoại giữa Alice và Mattia.

Alice: “*Ora andiamo a casa e ti sdrai un po'.*” (Bây giờ chúng ta đi về nhà và cậu nằm nghỉ chút nhé.)

Mattia: “*Devo tornare dai miei.*” (Mình phải quay về nhà bố mẹ.) [1, tr.125]

Ví dụ 15: Cuộc hội thoại giữa Sandra và bác sĩ Astolfi, người bất cần trong việc khám nghiệm tử thi và không phát hiện ra nạn nhân vẫn còn sống khi khám xét hiện trường. Sandra đề nghị bác sĩ cung cấp thông tin liên quan đến vụ án như một cách để chuộc tội.

Sandra: “*Veramente sono venuta qui perché vorrei offrirti la possibilità di riscattarsi.*” (Thực sự tôi tới đây bởi vì tôi muốn đưa cho ông một cơ hội để chuộc tội.)

Astolfi: “*Mi hanno tolto l'incarico, non mi occupo più del caso.*” (Họ đã đưa tôi ra khỏi vụ án, tôi không được phụ trách nó nữa. [4, tr.40]

b. Từ chối gián tiếp thông qua hành động khẳng định

Đây là phương tiện biểu đạt được người Italia sử dụng phổ biến nhất khi thực hiện hành động từ chối gián tiếp, chiếm 39,5%. Người nói không phủ định trực tiếp yêu cầu mà đưa ra một phát ngôn khẳng định nhằm thể hiện lập trường, quan điểm, suy nghĩ hoặc đánh giá về người, sự vật hoặc sự việc có liên quan đến người nói, người nghe, nội dung hội thoại hoặc hành động cầu khiến ở lượt lời trước, qua đó hàm ý không chấp nhận thực hiện hành động được đề xuất.

Ví dụ 16: Cuộc hội thoại giữa Lila và Lenuccia, Lila yêu cầu bạn mình không được ngừng việc học.

Lila: “*Non finire mai: te li do io i soldi, devi studiare sempre.*” (Cậu đừng bao giờ ngừng lại: tớ sẽ đưa cho cậu tiền, cậu phải học mãi mãi.)

Lenuccia: “*Grazie, ma a un certo punto le scuole finiscono.*” (Cảm ơn cậu, nhưng đến một lúc nào đó trường học cũng kết thúc.) [2, tr.282]

Ở ví dụ số 16, Lenuccia đã đưa ra một phát ngôn khẳng định về một quy luật thực tế, phủ định tính khả thi của hành động cầu khiến (*đến một lúc nào đó trường học cũng kết thúc*). Việc sử dụng

hành động khẳng định mở đầu bằng nhĩ ngữ “*Grazie*” giúp bày tỏ sự ghi nhận ý tốt của đối phương, làm cho lời từ chối trở nên nhẹ nhàng hơn.

Ví dụ 17: Cuộc hội thoại giữa Shalber và Sandra, Shalber yêu cầu Sandra quay trở về Milan và ngừng tham gia vào việc điều tra tội phạm.

Shalber: “*Prenderai il primo treno e tornerai a Milano.*” (Cô hãy bắt chuyến tàu đầu tiên và trở về Milan.)

Sandra: “*Sono un’agente di polizia: so badare a me stessa e so come si porta avanti un’indagine, se è questo che ti preoccupa.*” (Tôi là một sĩ quan cảnh sát: tôi biết bảo vệ bản thân mình và biết làm thế nào để tiếp tục một cuộc điều tra, nếu điều này làm ông bận tâm.) [3, tr.204]

Sandra đưa ra chuỗi mệnh đề khẳng định năng lực và vai trò chuyên môn của cô qua động từ chia ở ngôi thứ nhất số ít “*so...*” (tôi biết...) để bác bỏ cơ sở cho lời yêu cầu của Shalber, từ đó dẫn tới hàm ý từ chối thực hiện hành động.

c. Từ chối gián tiếp thông qua hành động trình bày

Ví dụ 18: Cuộc hội thoại giữa Battista và thanh tra Crespi ở quán cà phê.

Battista: “*Ci vorrà pochissimo, glielo prometto. Le vorrei offrire un caffè.*” (Tôi muốn mời ngài một tách cà phê.)

Crespi: “*Guardi, non voglio essere scortese perché non so nemmeno chi sia lei e perché sa il mio nome, ma non ho tempo, gliel’ho detto.*” (Nghe này, tôi không muốn bất lịch sự bởi vì tôi thậm chí không biết ông là ai và vì sao ông biết tên tôi, nhưng tôi không có thời gian đâu, tôi đã nói với ông rồi.) [4, tr.143]

Xét về hình thức, lượt đáp của Crespi được cấu tạo như một hành động trình bày vì có cấu trúc mở đầu - nêu lí do - kết luận. Crespi mở đầu bằng một động từ mang tính điều phối “*Guardi*” (nghe này) và phát ngôn giúp giảm căng thẳng “*non voglio essere scortese*” (tôi không muốn bất lịch sự), sau đó đưa ra lập luận “*non so nemmeno chi sia lei e perché sa il mio nome*” (tôi thậm chí không biết ông là ai và vì sao ông biết tên tôi) và kết luận “*non ho tempo*” (tôi không có thời gian). Cấu trúc lập luận này cho phép Crespi từ chối nhưng vẫn duy trì chuẩn mực lịch sự tối thiểu với một người lạ.

d. Từ chối gián tiếp thông qua hành động bác bỏ

Ví dụ 19: Cuộc hội thoại giữa bà Sol và Alice.

Bà Sol: “*Mi amorcito, finisci tutto, che nel mio paese i bambini muoiono di fame.*” (Cháu yêu, cháu ăn hết đi, ở nước bác trẻ con chết vì đói đấy.)

Alice: “*Anche se io mi ingozzo fino a stare male, i bambini del tuo paese non la smetteranno certo di morire di fame.*” (Dù cháu tống hết đồng thức ăn này vào bụng thì bọn trẻ ở nước bác cũng vẫn chết đói thôi.) [1, tr.16]

Trong ví dụ, Alice bác bỏ lí do thuyết phục mà bà Sol đưa ra, ngầm khước từ yêu cầu. Phương tiện thực hiện hành động bác bỏ là cấu trúc nhượng bộ “*Anche se...*” (mặc dù/dù) và kết luận ở dạng phủ định “*non...certo...*” (không chắc), tạo hiệu lực từ chối “*ăn*” mà không cần nói thẳng.

e. Từ chối gián tiếp thông qua hành động nhắc nhở

Nhắc nhở được xếp vào nhóm hành động tái hiện (rappresentatives) do đích tại lời của các phát ngôn này nhằm cung cấp, nhắc lại một thông tin hay sự tình để người nghe nhận biết và tự suy ra hệ quả của hành động được cầu khiến và qua đó người nói ngầm từ chối.

Ví dụ 20: Cuộc hội thoại giữa Alice và bác Sol.

Alice: “*Mi potresti portare anche in un altro posto?*” (Bác có thể dẫn cháu đến một chỗ khác nữa được không?)

Bà Sol: “*Tuo padre non vuole, lo sai.*” (Bố cháu không muốn vậy, cháu biết thế mà.) [1, tr.31]

5.2.2. Từ chối gián tiếp thông qua hành động thuộc nhóm điều khiển

a. Từ chối gián tiếp thông qua hành động yêu cầu/đề nghị

Phương tiện biểu đạt ngữ pháp điển hình nhất khi từ chối gián tiếp bằng yêu cầu/đề nghị là cấu trúc câu mệnh lệnh.

Ví dụ 21: Cuộc hội thoại giữa Enzo và Pasquale, Enzo nhận thấy sự nổi nóng của Pasquale cùng với tình hình căng thẳng giữa Pasquale và anh em nhà Marcello nên đề nghị Pasquale đi về cùng.

Enzo: “*Andiamocene a dormire.*” (Chúng ta đi về nhà ngủ thôi.)

Pasquale: “*Va', va', ci vediamo domani.*” (Cậu đi đi, đi đi, mai gặp sau.) [2, tr.131]

Để ngăn chặn tình hình căng thẳng, Enzo đã đề nghị Pasquale trở về nhà. Thay vì đồng ý, Pasquale đã yêu cầu Enzo về trước và hẹn gặp lại sau thông qua câu mệnh lệnh trực tiếp ở ngôi thứ hai số ít “*Va', va'*” (Cậu đi đi, đi đi.)

b. Từ chối gián tiếp thông qua hành động van xin

Người nói thường sử dụng lời cầu khẩn “*Ti prego...*” (Tôi xin bạn...) để xin chấm dứt hoặc thoát khỏi tương tác, ngầm từ chối đáp ứng yêu cầu của người nghe.

Ví dụ 22: Cuộc hội thoại giữa Clemente và Marcus.

Marcus: “*Chi sono quelli che decidono per me, gli alti prelati che controllano la mia esistenza, il 'livello superiore'? Voglio saperlo!*” (Những kẻ quyết định mọi việc của tôi, những giám mục cấp cao kiểm soát cuộc sống của tôi, bề trên, họ là ai? Tôi muốn biết!)

Clemente: “*Ti prego, lasciarmi andare.*” (Tôi xin anh, để tôi đi.) [4, tr.146]

c. Từ chối gián tiếp thông qua hành động hỏi

Hình thức của hành động hỏi là một câu hỏi tu từ nhằm bác bỏ tính hợp lý của yêu cầu và thể hiện thái độ phản đối của người nói, thường xuất hiện trong lượt đáp khi người nói cảm thấy yêu cầu của người nghe là vô lý, khó chấp nhận.

Ví dụ 23: Cuộc hội thoại giữa Alice và Mattia khi cả hai cùng đi dạo bằng ô tô.

Alice: “*Continua dritto. Vai sulla strada.*” (Cứ đi thẳng đi. Ra hẻm ngoài đường đi.)

Mattia: “*Ma sei matta?*” (Cậu điên à?) [1, tr.125]

Ví dụ 24: Cuộc hội thoại giữa Battista và Oghi.

Battista: “*Il mostro di Roma, voglio che mi procuri copia dei rapporti di polizia.*” (Quái vật Roma, tôi muốn ông lấy cho tôi bản sao các bản báo cáo của cảnh sát.)

Oghi: “*Non ti basta ciò che dicono i giornali?*” (Những gì báo chí đưa tin chưa đủ với anh sao?) [4, tr.65]

5.2.3. Từ chối gián tiếp thông qua hành động thuộc nhóm cam kết

a. Từ chối gián tiếp thông qua hành động đe dọa

Ví dụ 25: Cuộc hội thoại giữa Jeremiah (tên sát nhân) và Marcus. Marcus yêu cầu Jeremiah cung cấp thông tin về Lara (cô gái trẻ bị mất tích bí ẩn trong vụ án mà Marcus điều tra).

Marcus: “*Dove è Lara? Sta bene? E ancora viva?*” (Lara ở đâu? Cô ấy có ổn không? Cô ấy có còn sống không?)

Jeremiah: “*Se non avessi scoperto il mio piano entro stasera, mi sarei sentito autorizzato ad alzarmi da questo letto e a sparire per sempre.*” (Nếu anh không khám phá ra kế hoạch của tôi trong tối nay, tôi sẽ tự cho phép mình thức dậy khỏi cái giường này và biến mất vĩnh viễn.) [3, tr.372]

Hành động đe dọa có cấu trúc của câu điều kiện “*Se...*” (nếu) kết hợp với trạng ngữ chỉ thời gian “*entro stasera*” để thúc giục Marcus phải lựa chọn, các cụm động từ “*sparire per sempre*” (biến mất vĩnh viễn), “*mi sarei sentito autorizzato*” (tôi tự cho phép mình), tạo sức ép và đồng thời từ chối gián tiếp việc cung cấp thông tin về Lara.

b. Từ chối gián tiếp thông qua hành động cam kết

Khi người nói không muốn thực hiện hành động được cầu khiến nhưng vẫn muốn giữ mối quan hệ liên nhân và thể diện cho người nghe, người nói thực hiện hành động từ chối gián tiếp thông qua hành động cam kết. Các phát ngôn này thường có động từ chia ở thì tương lai đơn (Futuro semplice) hoặc thì hiện tại đơn (Presente indicativo), ám chỉ một hành động trong tương lai gần.

Ví dụ 26: Cuộc hội thoại giữa Marcus và Sandra.

Marcus: “*Ma devi distruggere la foto che mi ritrae. E tutto ciò che ha scovato tuo marito sul conto della penitenzieria.*” (Nhưng cô phải hủy các tấm ảnh chụp tôi. Và tất cả những gì chồng cô đã khám phá ra về giáo đoàn ân giải.)

Sandra: “*Lo farò appena avrò ottenuto le risposte.*” (Tôi sẽ thực hiện nó ngay khi tôi có được câu trả lời.) [3, tr.236]

Với ví dụ 24, động từ “*Fare*” (làm, thực hiện) được chia ở thì tương lai đơn “*lo farò*” (tôi sẽ thực hiện nó) và trạng từ chỉ thời gian “*appena*” (ngay khi) giúp trì hoãn việc thực hiện hành động, đồng thời giữ thể diện cho người nghe.

5.2.4. Từ chối gián tiếp thông qua hành động thuộc nhóm biểu cảm

Dựa vào ngữ liệu khảo sát, chúng tôi chỉ ghi nhận một kiểu từ chối gián tiếp thuộc nhóm hành động biểu cảm, đó là hành động mĩa mai.

Ví dụ 27: Cuộc hội thoại giữa Alice và Fabio, chồng của cô. Alice mang thai nhưng liên tục sút cân và chán ăn, Fabio yêu cầu Alice ăn thêm để tăng cân để trở lại với trạng thái bình thường.

Alice: “*È sufficiente far alzare quell'indice perché tutto torni normale.*” (Em chỉ cần nâng chỉ số ấy lên thôi là tất cả sẽ trở lại bình thường.)

Fabio: “*Fantastico. Immagino che ce l'avessi pronta da tempo, questa. È tutto lì allora. È così semplice.*” (Tuyệt vời. Tôi nghĩ anh muốn nói điều này ra từ lâu lắm rồi nhỉ. Tất cả chỉ có thế thôi. Đơn giản quá.) [1, tr.95]

Hành động mĩa mai trong trường hợp này được biểu hiện qua một đánh giá tích cực bề mặt, nhưng hàm ý thật sự của người nói lại đối lập, thể hiện thông qua từ “*Fantastico*” (tuyệt vời) và cách ngắt nhịp câu ngắn. Alice cho rằng giải pháp mà Fabio đưa ra quá đơn giản và thiếu tính thuyết phục, từ đó ngầm từ chối yêu cầu của Fabio.

6. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy người Italia ưu tiên từ chối gián tiếp hơn từ chối trực tiếp. Đối với hành động từ chối trực tiếp, người Italia có xu hướng dùng các phương tiện biểu đạt từ vựng và ngữ pháp ở dạng phủ định. Về mặt ngữ pháp, đặc biệt phải kể đến cấu trúc “*Non*” kết hợp với động từ thường và động từ tình thái. Về mặt từ vựng, phương tiện được dùng nhiều nhất là từ phủ định “*No*”. Các phương tiện phủ định này giúp làm rõ mục đích của phát ngôn, khiến từ chối trở nên dứt khoát và không thể thương lượng. Hành động từ chối trực tiếp cũng được thực hiện thông qua phát ngôn ở dạng khẳng định “*Faccio da sola*” (Tôi tự làm được), song số lượng ghi nhận từ ngữ liệu còn ít, thường xuất hiện khi người nói muốn giữ sự dứt khoát nhưng giảm tính đối đầu. Trong bối cảnh yêu cầu vô lý, người nói có thể dùng từ ngữ thô tục để gia tăng mức độ từ chối. Ngoài ra, khi muốn thể hiện sự trân trọng ý tốt của người nghe hoặc khi người nghe có vị trí xã hội cao hơn, người nói thường bổ sung nhả ngữ ở đầu câu như “*Grazie*” (cảm ơn), “*Mi dispiace*” (Xin lỗi),...

Đối với hành động từ chối gián tiếp, người nói thực hiện một hành động ngôn ngữ trực tiếp nhưng đích cuối cùng của phát ngôn lại là từ chối. Các hành động ngôn ngữ trực tiếp được người Italia sử dụng với tần suất cao như: nhóm tái hiện (khẳng định, thông báo, trình bày), nhóm điều khiển (yêu cầu/đề nghị, hỏi) và nhóm cam kết (cam kết). Một số hành động có tần suất sử dụng thấp hơn như bác bỏ, nhắc nhở, van xin, đe dọa, mĩa mai cho thấy người Italia ưu tiên các hành động ít gây xung đột như nhóm tái hiện và cam kết với mục đích giải thích lý do hoặc trì hoãn, né tránh và không đáp ứng yêu cầu của người nghe. Qua đó giúp bảo toàn thể diện và duy trì mối quan hệ liên nhân. Các hành động như đe dọa, van xin, mĩa mai chỉ được dùng trong các tình huống tương tác căng thẳng.

Việc xác định và phân loại các phương tiện biểu đạt của hành động từ chối trong tiếng Italia góp phần hệ thống cơ sở lý luận cho nghiên cứu ngữ dụng học tiếng Italia tại Việt Nam, nơi các nghiên cứu ngôn ngữ học Italia nói chung và ngữ dụng học Italia còn rất khiêm tốn. Đồng thời, kết quả nghiên cứu có giá trị ứng dụng trong việc dạy-học tiếng Italia tại Việt Nam, hỗ trợ người học lựa chọn phương tiện biểu đạt để phù hợp với chuẩn mực lịch sự và bối cảnh giao tiếp, từ đó hạn chế các lỗi dụng học và xung đột trong tương tác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (2005), *Ngôn ngữ học đại cương - Tập 2: Ngữ dụng học*. Nxb Giáo dục.
2. Hoàng Phê (2006), *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng.
3. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học, tập 1*. Nxb Giáo dục.

Tiếng nước ngoài

4. Antonelli, G. (2007), *L'italiano nella società della comunicazione*. Il Mulino.
5. Austin, J. L. (1962), *How to do things with words*. Oxford University Press.
6. Searle, J. R. (1969), *Speech acts: An essay in the philosophy of language*. Cambridge University Press.
7. Wierzbicka, A. (1987), *English speech act verbs: A semantic dictionary*. Academic Press.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

- [1] Giordano, P. (2008). *La solitudine dei numeri primi*. Mondadori.
- [2] Ferrante, E. (2011). *L'amica geniale*. Edizioni e/o.
- [3] Carrisi, D. (2011). *Il tribunale delle anime*. Longanesi.
- [4] Carrisi, D. (2014). *Il cacciatore del buio*. Longanesi.

**Means of expressing the speech act of refusal in Italian
(based on data from contemporary Italian novels)**

Abstract: The speech act of refusal expresses the speaker's non-acceptance of performing a requested action, such as a request, offer, or invitation. Shaped by politeness norms, interactional context, and cultural factors, this speech act is realized through various lexical and grammatical devices. Drawing on dialogues from contemporary Italian novels, this study collects refusal utterances in Italian, identifies them, and classifies the main linguistic means used to express both direct and indirect refusals across different conversational contexts. The findings reveal a diversity of refusal means in Italian. In particular, Italian speakers tend to prefer indirect refusals, mainly through representative acts, such as *affirming* and *informing*, and directive acts, such as *requesting* and *suggesting*. By contrast, direct refusals are primarily expressed through lexical and grammatical means of negation, such as the negative marker "No" and negative sentence structures with "Non". The study thus contributes to a more systematic pragmatic description of Italian and offers pedagogical implications for the teaching and learning of Italian in Vietnam.

Key words: Speech acts; refusal; linguistic means of expression; direct refusal; indirect refusal; Italian literary works.